

# THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN “HỖ TRỢ HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025”

**N**gày nay, công nghệ, tri thức và sáng tạo đã trở thành yếu tố then chốt quyết định năng lực cạnh tranh và tăng trưởng kinh tế của từng quốc gia cũng như của từng doanh nghiệp. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ngày càng đóng vai trò quan trọng, là lực lượng trung tâm cho phát triển kinh tế nhanh, bền vững và bắt kịp xu hướng của thế giới. Chính vì thế, rất cần xây dựng một hệ sinh thái khởi nghiệp lành mạnh để tạo môi trường thuận lợi, hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hình thành và phát triển.

Để đáp ứng nhu cầu đó, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” tại Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016. Mục tiêu của Đề án nhằm tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và mở rộng cơ hội để doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng

tạo ở Việt Nam hội nhập với khu vực và quốc tế.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2020 là hoàn thiện hệ thống pháp lý hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thiết lập được Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia; hỗ trợ được 800 dự án, 200 doanh nghiệp khởi nghiệp, trong đó 50 doanh nghiệp gọi được vốn thành công từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập, với tổng giá trị ước tính khoảng 1.000 tỷ đồng.

Đến năm 2025, hỗ trợ phát triển 2.000 dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ phát triển 600 doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; 100 doanh nghiệp tham gia Đề án gọi được vốn đầu tư từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập, với tổng giá trị ước tính khoảng 2.000 tỷ đồng.

2 nhóm đối tượng được hỗ trợ gồm:

1- Cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Doanh nghiệp khởi nghiệp có thời

gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp lần đầu.

2- Tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất - kỹ thuật, đầu tư, truyền thông cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động hiệu quả, đáp ứng các tiêu chí: Người đứng đầu có ít nhất 1 năm kinh nghiệm hoạt động tư vấn đầu tư, tài chính và hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp; tổ chức có ít nhất 1 năm hoạt động, cung cấp dịch vụ cho ít nhất 10 nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và đã đầu tư hoặc gọi vốn đầu tư được ít nhất 1 tỷ đồng cho các nhóm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam; có quy trình hỗ trợ khởi nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thỏa thuận hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài về đầu tư, đào tạo, huấn luyện, tư vấn cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

Nội dung của Đề án gồm các hoạt động trung tâm như:

*Xây dựng Khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo*

Một trong các hoạt động của Đề án là xây dựng Cổng thông tin khởi nghiệp



đổi mới sáng tạo quốc gia cung cấp thông tin về công nghệ, sáng chế, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ; chính sách, pháp luật; nguồn nhân lực; nguồn đầu tư và giao dịch đầu tư; đối tác, khách hàng; sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới; tổ chức, cá nhân hỗ trợ; tin tức, sự kiện trong nước, quốc tế và các hoạt động khác hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Bên cạnh đó, xây dựng Khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các Bộ, ngành, địa phương có tiềm năng phát triển hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, trong đó hỗ trợ một phần kinh phí sửa chữa và áp dụng mức phí ưu đãi trong khai thác cơ sở hạ tầng (diện tích, không gian sẵn có) tại các địa điểm thuận lợi cho cung cấp dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, ưu tiên khu vực gần các trường đại học, tổ chức kinh tế, tài chính; hỗ trợ kinh phí lắp đặt hạ tầng công nghệ thông tin và cung cấp dịch vụ Internet miễn phí trong Khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Thu hút tư nhân đầu tư sửa chữa, trả phí khai thác cơ sở hạ tầng, lắp đặt trang thiết bị cần thiết và tổ chức quản lý, khai thác Khu tập trung dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; cung cấp các dịch vụ đào tạo, huấn luyện, tư vấn; kết

nối đầu tư, khách hàng; cung cấp nguồn nhân lực, không gian làm việc, thiết bị dùng chung cho hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

*Nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo*

Hoạt động khác của Đề án là tiếp tục triển khai Đề án Thương mại hóa công nghệ theo mô hình thung lũng Silicon tại Việt Nam với quy mô dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia trong thời gian 5 năm đến năm 2020.

Cùng với đó, phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Cụ thể, hỗ trợ một phần kinh phí mua bản quyền chương trình đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp, chuyển giao, phổ biến giáo trình khởi nghiệp đã được nghiên cứu, thử nghiệm thành công trong nước, quốc tế cho một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh; hỗ trợ một phần kinh phí thuê chuyên gia trong nước, quốc tế để triển khai các khóa đào tạo khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đào tạo huấn luyện viên khởi nghiệp, nhà đầu tư khởi nghiệp tại một số cơ sở giáo dục, cơ sở ươm tạo và tổ chức thúc đẩy kinh doanh.

Hỗ trợ một phần kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trả tiền công lao động trực tiếp và sử dụng các dịch vụ: Đào tạo, huấn luyện khởi

ngiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.

*Phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo*

Đề án nêu rõ, phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Cụ thể, hỗ trợ một phần kinh phí nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật của một số cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; kinh phí tư vấn thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; dự án hỗ trợ thành lập cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Bên cạnh đó, hỗ trợ một phần kinh phí cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Khuyến khích sử dụng

**(Xem tiếp trang 15)**

# CƠ CHẾ TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP: NHỮNG ĐIỀU CHỈNH CẦN THIẾT

Hơn 10 năm qua, việc chuyển đổi các tổ chức khoa học và công nghệ (KH&CN) công lập sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 5/9/2005 của Chính phủ (Nghị định 115) luôn là chủ đề nóng trên nhiều diễn đàn. Bên cạnh những tổ chức đã chuyển đổi thành công cũng còn nhiều tổ chức chưa hoặc không muốn chuyển đổi. Có rất nhiều nguyên nhân khiến cho việc chuyển đổi không đạt được như kỳ vọng. Qua nhiều năm nghiên cứu về thực trạng này, tác giả hệ thống lại tất cả những bất cập, từ đó đề xuất những vấn đề cần sửa đổi trong thời gian tới.

## Bất cập và chông chéo

Có rất nhiều những bất cập nảy sinh trong quá trình chuyển đổi các tổ chức KH&CN công lập theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Những bất cập này đến từ bản thân các tổ chức, từ cơ chế chính sách, và từ cả những thực tế phát sinh.

- Phân loại các tổ chức KH&CN công lập theo chức năng (của tổ chức) để giao quyền tự chủ: (1) Tổ chức có chức năng nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược, chính sách, nghiên cứu xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật; (2) Tổ chức có chức năng nghiên cứu ứng dụng và (3) Tổ chức có chức năng thực hiện dịch vụ KH&CN. Tuy nhiên, trong



*Toàn cảnh Hội nghị*

thực tiễn không có tổ chức nào chỉ thực hiện duy nhất một chức năng nêu trên, mà thường thực hiện đồng thời nhiều chức năng cùng một lúc, thậm chí có nhiều tổ chức thực hiện đồng thời cả 3 chức năng nêu trên. Vì

vậy, việc xác định tổ chức KH&CN công lập theo phân loại quy định tại Nghị định 115 là rất khó khăn và không khả thi trong thực tiễn.

- Quy định về quyền tự chủ đối với tổ chức KH&CN công lập tự trang trải kinh



## NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

phí và tổ chức KH&CN công lập chưa tự trang trải kinh phí hoạt động thường xuyên tại Nghị định 115 không có những khác biệt đáng kể. Các tổ chức KH&CN công lập đang được Nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên nhưng vẫn được trao quyền tự chủ như đối với tổ chức KH&CN công lập tự trang trải kinh phí, gây sự bất bình đẳng giữa các tổ chức KH&CN công lập.

- Đối với quy định bắt buộc tất cả các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tổ chức dịch vụ KH&CN không thuộc diện được Nhà nước cấp kinh phí hoạt động thường xuyên theo phương thức khoán phải tự trang trải kinh phí hoạt động thường xuyên tại một thời điểm nhất định là chưa phù hợp với thực tiễn. Bởi vì, khả năng tự trang trải kinh phí hoạt động thường xuyên của tổ chức KH&CN công lập phụ thuộc nhiều yếu tố chủ quan và khách quan khác nhau như: Nguồn thu của tổ chức, năng lực nghiên cứu triển khai, trang thiết bị nghiên cứu, môi trường hoạt động... Các yếu tố này rất khác nhau trong mỗi tổ chức KH&CN công lập.

- Tiềm lực của tổ chức KH&CN công lập là một trong những hạn chế được đặc biệt lưu tâm. Trình độ cán bộ nghiên cứu tại các tổ chức KH&CN công lập, nhất

là ở địa phương nhìn chung còn hạn chế, số lượng cán bộ có trình độ cao đang ít dần đi do tuổi cao hoặc chuyển sang làm việc tại các khu vực khác hấp dẫn hơn về thu nhập và điều kiện làm việc. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của đội ngũ nhân lực tại các tổ chức KH&CN công lập rất lớn, nhưng chưa được đáp ứng vì các tổ chức KH&CN công lập không có nguồn kinh phí thường xuyên cho hoạt động này.

Cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị, máy móc thí nghiệm, thử nghiệm phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ còn thiếu và lạc hậu, nhất là tổ chức KH&CN công lập ở các địa phương. Kinh phí đầu tư phát triển dành cho các tổ chức KH&CN công lập còn hạn hẹp đã ảnh hưởng không nhỏ đến năng lực nghiên cứu triển khai của các tổ chức này. Bên cạnh đó, nhận thức chưa đúng tại một số Bộ, ngành, địa phương là tổ chức KH&CN công lập đã chuyển sang cơ chế tự chủ thì Nhà nước không đầu tư nữa đã khiến cho các tổ chức nảy sinh tâm lý e ngại khi chuyển đổi.

- Kết quả nghiên cứu của nhiều tổ chức KH&CN công lập nhìn chung chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường và doanh nghiệp. Số lượng kết quả nghiên cứu được thương mại hóa còn

rất ít, vì vậy các tổ chức này không có nguồn thu hoặc nguồn thu rất hạn chế để có thể thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Một trong những bất cập nổi bật là sự thiếu đồng bộ của hệ thống văn bản pháp luật, cụ thể:

Nghị định 115 cho phép tổ chức KH&CN công lập được dùng quyền sử dụng đất để góp vốn, liên doanh, liên kết, sản xuất kinh doanh, thế chấp vay vốn ngân hàng, nhưng trên thực tế không thực hiện được, bởi vì theo quy định của Luật Đất đai, các tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất không có quyền thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Nghị định 115 cho phép tổ chức KH&CN công lập, kể cả tổ chức KH&CN công lập chưa tự trang trải kinh phí hoạt động thường xuyên được quyền tự chủ về nhân lực, nhưng trên thực tế cũng không thực hiện được, bởi vì theo quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập tại Luật Viên chức thì đơn vị sự nghiệp công lập không được giao quyền tự chủ về số người làm việc trong đơn vị, mà do Bộ Nội vụ phê duyệt vị trí việc làm. Điều này cản trở tính linh hoạt và quyền tự quyết của người đứng đầu tổ chức KH&CN công lập trong việc xác định quy mô nhân sự và chất lượng cán bộ đáp

ứng với phạm vi nghiên cứu và yêu cầu của nhiệm vụ chuyên môn.

Luật KH&CN năm 2013 đã cho phép bổ nhiệm, thuê đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức KH&CN công lập đối với người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài hoạt động KH&CN ở Việt Nam. Nhưng Nghị định 115 chưa có quy định cụ thể về việc này. Vì vậy, thực tiễn chưa triển khai được chính sách thu hút chuyên gia trình độ cao là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài hoạt động KH&CN ở Việt Nam tham gia hoạt động KH&CN tại tổ chức KH&CN công lập.

Nghị định 115 cho phép tổ chức KH&CN công lập được quyền thành lập, sáp nhập, giải thể các đơn vị trực thuộc. Tuy nhiên, các tổ chức mới chỉ được tự chủ trong việc thành lập, giải thể các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân; còn đối với các đơn vị có tư cách pháp nhân, việc thành lập, giải thể vẫn thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan chủ quản là các bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và UBND cấp tỉnh. Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục quy định thẩm quyền này.

#### **Những điều chỉnh cần thiết**

Để các tổ chức KH&CN công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm thành công, trong thời gian tới, chính sách về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm nên có một số điều chỉnh sau:

*Thứ nhất*, về việc xác định và phân loại tổ chức KH&CN công lập để giao quyền tự chủ.

Để khắc phục khó khăn trong việc xác định và phân loại tổ chức KH&CN công lập theo chức năng của tổ chức để giao quyền tự chủ quy định tại Nghị định 115, chúng ta nên phân loại tổ chức KH&CN công lập theo mức độ tự bảo đảm về chi thường xuyên và chi đầu tư của tổ chức KH&CN công lập, cụ thể, theo các mức sau: Tổ chức KH&CN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; tổ chức KH&CN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; tổ chức KH&CN công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; tổ chức KH&CN công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Với cách phân loại này, các tổ chức KH&CN công lập sẽ căn cứ vào nguồn thu của đơn vị để tự xác định tổ chức mình thuộc loại nào, từ đó trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt phương án tự chủ của tổ chức. Cách làm này đồng thời tránh được tình trạng bắt buộc các tổ chức KH&CN công lập có chức

năng nghiên cứu ứng dụng, dịch vụ KH&CN phải tự bảo đảm chi thường xuyên tại một thời điểm nhất định như quy định tại Nghị định 115. Quy định ép buộc các tổ chức KH&CN công lập phải tự bảo đảm chi thường xuyên vào một thời điểm nhất định tại Nghị định 115 là không phù hợp với thực tiễn và gây khó khăn đối với các tổ chức KH&CN công lập.

*Thứ hai*, trao quyền tự chủ phụ thuộc vào mức độ tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư của tổ chức KH&CN công lập.

Mức độ tự bảo đảm về chi thường xuyên và chi đầu tư của tổ chức KH&CN công lập làm căn cứ để trao quyền tự chủ của tổ chức (về nhân lực, tài chính, tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng tài sản), cụ thể, theo hướng tổ chức KH&CN công lập tự bảo đảm được nhiều/ít nhất việc chi thường xuyên và chi đầu tư thì được giao nhiều/ít quyền tự chủ. Quy định như thế sẽ tạo được sự bình đẳng giữa các tổ chức KH&CN công lập.

Mặt khác, quy định này sẽ khuyến khích các tổ chức KH&CN công lập phấn đấu thu hút nhiều nguồn tài chính (ngoài ngân sách nhà nước) để phục vụ hoạt động KH&CN và hoạt động sản xuất, kinh doanh, khuyến khích tổ chức tiết kiệm chi phí, tăng thu nhập, nâng cao hiệu quả hoạt động, tự



bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư để được trao nhiều quyền tự chủ nhất. Như thế, dần dần sẽ giảm bớt gánh nặng từ ngân sách nhà nước đối với mạng lưới tổ chức KH&CN công lập. Tổ chức KH&CN công lập được trao quyền tự chủ cao nhất sẽ có điều kiện để thu hút đội ngũ nhân lực trình độ cao, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu và triển khai của tổ chức.

*Thứ ba*, cho phép tổ chức KH&CN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp hoặc chuyển thành doanh nghiệp.

Tổ chức KH&CN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư là những tổ chức đã tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động, có lợi nhuận lớn, có thể tự đầu tư phát triển mà không sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước. Vì vậy, việc cho phép tổ chức KH&CN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp hoặc chuyển thành doanh nghiệp là phù hợp với thực tiễn. Ngoài việc được Nhà nước trao quyền tự chủ ở mức cao nhất, tổ chức KH&CN công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp. Điều đó vô hình cũng sẽ khuyến khích

các tổ chức KH&CN phấn đấu để trở thành tổ chức tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động.

*Thứ tư*, Nhà nước cần tiếp tục đầu tư phát triển để nâng cao tiềm lực cho tổ chức KH&CN công lập.

Tổ chức KH&CN công lập do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước thành lập để thực hiện chức năng, nhiệm vụ mà Nhà nước giao, vì vậy, khi thực hiện cơ chế tự chủ, các tổ chức KH&CN công lập cần được Nhà nước đầu tư phát triển như đối với đơn vị sự nghiệp công lập, trừ một số tổ chức KH&CN công lập đã tự bảo đảm chi đầu tư.

Bên cạnh việc thực hiện những nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước, các tổ chức KH&CN công lập cần được Nhà nước giao thực hiện những nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng và các nhiệm vụ khác để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức. Điều này sẽ giúp các tổ chức có tiềm lực đủ mạnh và có nguồn kinh phí ổn định để thực hiện tốt chức năng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

*Thứ năm*, điều chỉnh một số quy định để cơ chế tự chủ đồng bộ với các quy định khác có liên quan.

Điều chỉnh quy định về việc cho phép tổ chức KH&CN công lập được dùng quyền sử dụng đất để góp

vốn, liên doanh, liên kết, sản xuất kinh doanh, thế chấp vay vốn ngân hàng phù hợp với quy định của Luật Đất đai.

Quy định về xác định danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp, xác định số lượng người làm việc trong tổ chức KH&CN công lập, tuyển dụng, quản lý, sử dụng viên chức phù hợp với quy định của Luật Viên chức và các văn bản có liên quan.

Quy định về việc cho phép tổ chức KH&CN công lập đề xuất cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm, thuê nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức KH&CN công lập và thuê chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức KH&CN công lập phù hợp với Luật KH&CN 2013.

Quy định cho phép tổ chức KH&CN công lập được quyền thành lập, sáp nhập, giải thể các đơn vị trực thuộc phù hợp với quy định hiện hành về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập./.

**HT (t/h)**

# QUY ĐỊNH VỀ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ AN TOÀN BỨC XẠ TRONG HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ, KHAI THÁC QUẶNG PHÓNG XẠ

Hoàng Công Bình - Trưởng phòng Quản lý Chuyên ngành

**N**gày 04/4/2016, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 04/2016/TT-BKHCN quy định về thẩm định báo cáo đánh giá an toàn bức xạ trong hoạt động thăm dò, khai thác quặng phóng xạ. Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/6/2016.

Thông tư số 04/2016/TT-BKHCN quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục và nội dung thẩm định Báo cáo đánh giá an toàn bức xạ trong hoạt động thăm dò, khai thác quặng phóng xạ. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có các hoạt động liên quan đến thăm dò, khai thác quặng phóng xạ trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tư quy định cụ thể hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá an toàn bức

xạ gồm: Một (01) văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá an toàn bức xạ; Một (01) bản Báo cáo đánh giá an toàn bức xạ trong hoạt động thăm dò, khai thác quặng phóng xạ đối với từng loại cơ sở; Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.

Tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định Báo cáo đánh giá an toàn bức xạ trong hoạt động thăm dò, khai thác quặng phóng xạ phải lập 01 bộ hồ sơ theo quy định nộp trực tiếp tại trụ sở Cục An toàn bức xạ và hạt nhân hoặc gửi qua bưu điện. Thời

điểm nhận hồ sơ được tính từ ngày Cục An toàn bức xạ và hạt nhân nhận được trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện nơi đến.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân có trách nhiệm đánh giá tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản đề nghị bổ sung các loại giấy tờ theo quy định tới tổ chức, cá nhân trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân có trách nhiệm thẩm định Báo cáo đánh giá an toàn bức xạ và trả kết quả thẩm định cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản. Kết quả thẩm định phải ghi rõ Bản báo cáo phân tích an



toàn đáp ứng các điều kiện bảo đảm an toàn hay không đáp ứng các điều kiện an toàn. Trường hợp không đáp ứng các điều kiện an toàn phải nêu rõ lý do.

Nội dung thẩm định báo cáo đánh giá an toàn bức xạ gồm:

+ Đối với cơ sở thăm dò, khai thác, chế biến quặng phóng xạ loại A và loại B, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá an toàn bức xạ cho các nội dung: Thông tin tổ chức, cá nhân tiến hành thăm dò/khai thác quặng phóng xạ; công việc bức xạ dự kiến tiến hành; đánh giá an toàn bức xạ khi đưa cơ sở vào hoạt động; chương trình quản lý an toàn bức xạ; chương trình quản lý chất thải phóng xạ; kế hoạch tháo dỡ cơ sở và phục hồi môi trường sau khi ngừng hoạt động.

+ Đối với cơ sở thăm dò, khai thác, chế biến quặng phóng xạ loại C, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá an toàn bức xạ cho các nội dung: Thông tin tổ chức, cá nhân tiến hành thăm dò/khai thác quặng phóng xạ; công việc bức xạ dự kiến tiến hành; đánh giá phân loại cơ sở.

Tổ chức thực hiện Thông tư số 04/2016/TT-BKHCHN, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của Thông tư này đối với cơ sở hoạt động trong lĩnh vực thăm dò, khai thác quặng phóng xạ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, giải quyết./.

# THÚC ĐẨY THỊ CÔNG NGHỆ

**D**ự kiến cuối năm nay, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) sẽ tiến hành sửa đổi Luật Chuyển giao công nghệ để trình Chính phủ, trong đó, chú trọng đẩy mạnh việc hoàn thiện chính sách phát triển thị trường chuyển giao công nghệ trong nước, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và các đơn vị nghiên cứu dễ dàng tìm đến nhau.

### Thiếu tính liên kết

Ngay sau khi được Bộ KH&CN phê duyệt thực hiện đề tài “Nghiên cứu chế tạo bột huỳnh quang ba màu và bột điện tử micro, nano sử dụng để chế tạo đèn huỳnh quang và huỳnh quang compact tiết kiệm điện năng”, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội đã phối hợp với Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông (RALACO) để hợp tác nghiên cứu, ứng dụng công trình này. Chỉ trong thời gian gần một năm, hai quy trình công nghệ: “Thu hồi, tái xử lý bột huỳnh quang pha tạp đất hiếm và thủy tinh không chì” và “Công nghệ tráng phủ bột huỳnh quang cho đèn huỳnh quang compact” đã được Đại học Bách khoa Hà Nội chuyển giao thành công cho RALACO. Nhờ đó, RALACO không còn phải nhập hoàn nguyên liệu huỳnh quang 3 phổ như trước đây, giảm được gần 4% số lượng đèn compact không đạt tiêu chuẩn trong khâu tráng phủ, tiết kiệm được nguyên liệu lên tới hàng chục tỷ đồng.

Không chỉ công trình này, trong 5 năm gần đây, Đại học Bách khoa Hà Nội đã



# TRƯỜNG CHUYỂN GIAO TRONG NƯỚC



*Nhiều công trình nghiên cứu từ các viện, trường đại học rất cần đến với doanh nghiệp*

được cấp chứng nhận 37 bằng sáng chế. Số lượng công trình nghiên cứu được chuyển giao cho các doanh nghiệp ngày càng tăng lên.

PGS.TS Huỳnh Trung Hải, Trưởng phòng KH&CN, Đại học Bách khoa Hà Nội cho biết: “Để chuyển giao các kết quả nghiên cứu vào thực tế, trường đã tăng cường các nghiên cứu có tính ứng dụng cao. Đặc biệt, đã thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ Bách Khoa

Hà Nội (BK-Holdings) với một hệ thống liên kết với 7 - 8 doanh nghiệp nhằm huy động vốn phục vụ cho quá trình ươm tạo và thương mại hóa các sản phẩm KH&CN để chuyển giao kết quả nghiên cứu ra cộng đồng”.

Để áp dụng kết quả các đề tài nghiên cứu của Viện, thời gian qua, Viện Công nghệ Môi trường (Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam) phối hợp với Công ty NEWTACO cũng đã chuyển giao thành công nhiều công nghệ hữu

ích cho đời sống như: Nhà vệ sinh bán tự động, xử lý nước thải tại Nhà máy nước Yên Phụ và khu công nghiệp thực phẩm Hapro (Hà Nội), công nghệ sinh học trong xử lý rác thải đô thị...

Tuy nhiên, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam hay Đại học Bách khoa Hà Nội chỉ là số ít những đơn vị có nhiều nghiên cứu ứng dụng và có kết nối tốt với các doanh nghiệp. Theo các chuyên gia, hiện nay, phần lớn các trường, viện chưa có nhiều kênh để đưa các nghiên cứu của mình ứng dụng rộng rãi, rất nhiều công trình chỉ làm theo nhiệm vụ và dừng lại ở khâu nghiệm thu. Lý do là vì, nhiều công trình tuy có khả năng ứng dụng cao nhưng chưa được đánh giá, thẩm định và quảng bá rộng rãi. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp vẫn chưa mấy mặn mà trong việc đón nhận kết quả nghiên cứu từ các trường, viện vì chưa được tiếp cận, thiếu thông tin về thị trường công nghệ...

## **Tăng cường hỗ trợ**

Để khắc phục những vướng mắc còn tồn tại, Bộ KH&CN đang lấy ý kiến và tiến hành sửa đổi Luật Chuyển giao công nghệ với nhiều chính sách nhằm đẩy mạnh thị trường chuyển giao công nghệ trong nước, tạo điều kiện kết nối doanh nghiệp với các trường, viện.

Trong Luật Chuyển giao công nghệ hiện hành chưa đề cập nhiều đến các chính



sách hỗ trợ cho hoạt động chuyển giao công nghệ trong nước. Để khắc phục điều này, trong nội dung dự thảo Luật sửa đổi đã nhấn mạnh đến việc phát triển các dịch vụ và tổ chức thúc đẩy chuyển giao công nghệ như: Các dịch vụ tư vấn, đánh giá, định giá, giám định công nghệ, dịch vụ pháp lý về sở hữu trí tuệ và các dịch vụ pháp lý khác liên quan tới mua bán công nghệ; xây dựng và phát triển các tổ chức hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu và tại các địa phương. Bên cạnh đó, tổ chức thường xuyên các hoạt động, sự kiện công bố, phổ biến, trình diễn, trưng bày, giới thiệu công nghệ và tham gia chợ, hội chợ, triển lãm công nghệ, hoạt động xúc tiến đầu tư công nghệ... để tăng cường hoạt động kết nối cung - cầu công nghệ.

Ông Đỗ Hoài Nam, Vụ trưởng Vụ Đánh giá và thẩm định công nghệ cho biết: “Ngoài việc lấy ý kiến đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp trong nước, chúng tôi cũng tìm hiểu những chính sách ưu đãi của các nước đối với những bên tham gia vào hoạt động chuyển giao công nghệ để sửa đổi cho phù hợp. Luật sửa đổi được kỳ vọng sẽ khuyến khích được các hoạt động chuyển giao công nghệ, tạo điều kiện để các tổ chức trung gian phát triển, giúp các bên có thể tiếp cận và kết nối các công đoạn của quá trình ứng dụng, đổi mới và chuyển giao công nghệ”.

Theo các chuyên gia, để tăng tính liên kết giữa doanh nghiệp với các trường, viện, việc xây dựng hệ thống các đơn vị làm cầu nối là rất cần thiết. Đồng thời cần có quy định về việc hình thành những chính sách liên quan đến đào tạo nhân lực về chuyển giao công nghệ; bảo hiểm cho các công nghệ mới; bảo vệ và bảo hiểm rủi ro cho các cá nhân thực hiện nghiên cứu và chuyển giao công nghệ./.

**Văn Bằng (t/h)**

# Hoạt động khoa học những kết quả

**T**rong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, đặc biệt từ khi tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện, Đảng và Nhà nước đã sớm có các định hướng và chỉ đạo đúng đắn về vị trí, vai trò của khoa học và công nghệ (KH&CN) đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai chủ trương trên, cùng với việc hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, tiềm lực KH&CN đã được tăng cường, nhiều thành tựu KH&CN được ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, y tế, thông tin, xây dựng... Hệ thống tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được tiếp tục hoàn thiện; hoạt động xúc tiến hỗ trợ tìm kiếm, trao đổi, chuyển giao công nghệ được đẩy mạnh. Các quỹ phát triển KH&CN quốc gia, quỹ đổi mới công nghệ quốc gia được thành lập và hoạt động, phát huy hiệu quả. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật và thông tin KH&CN có bước phát triển vượt bậc. Hoạt động kết nối cung - cầu được tăng cường, bước đầu hình thành một số mô hình gắn kết giữa viện, trường với doanh nghiệp trong hoạt động KH&CN...

Hòa vào sự phát triển chung của đất nước, thời gian qua, ngành khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang đã đưa ra nhiều giống mới, ứng dụng những kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất. Nhiều đề tài, dự án cải tiến kỹ thuật đã được triển khai, áp dụng có hiệu quả, nâng cao năng suất, chất lượng nông sản... đóng góp vào sự phát triển kinh

# và công nghệ Bắc Giang - đáng ghi nhận

≡ **Lê Thị Tuyên** - Phó trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính

tế - xã hội địa phương.

Năm 2015, Sở KH&CN Bắc Giang đã triển khai 9 dự án KH&CN cấp nhà nước với kinh phí trên 39 tỷ đồng (trong đó, kinh phí Trung ương trên 19 tỷ đồng, kinh phí tỉnh trên 2 tỷ đồng và kinh phí từ nguồn khác trên 18 tỷ đồng); triển khai 12 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh với kinh phí 27,8 tỷ đồng (ngân sách tỉnh 15,6 tỷ đồng, đối ứng của doanh nghiệp và người dân là 12,2 tỷ đồng); triển khai 73 đề tài, dự án KH&CN cấp cơ sở với kinh phí 2,3 tỷ đồng. Các dự án đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung: Vùng chè, cây lâm nghiệp huyện Yên Thế; vùng gạo thơm, rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP huyện Yên Dũng; hoa chất lượng cao thành phố Bắc Giang; vùng dược liệu ngưu tất, hà thủ ô, ba kích huyện Tân Yên, Hiệp Hòa, Sơn Động, Lục Nam...

Các đề tài, dự án sau khi được nghiệm thu đều

đạt loại khá và xuất sắc, được Bộ KH&CN đánh giá cao về tính ứng dụng và khả năng nhân rộng. Bên cạnh đó, Sở KH&CN Bắc Giang đã tăng cường công tác quản lý công nghệ trên địa bàn tỉnh, thẩm tra, đánh giá các công nghệ đang được ứng dụng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp KH&CN tại địa phương; phối hợp với Cục An toàn thực phẩm nhân triển khai thanh tra bốn đơn vị sử dụng nguồn phóng xạ; xuất bản 200 cuốn Đăng bạ Nhãn hiệu hàng hóa tỉnh Bắc Giang giai đoạn 1989 - 2014; hướng dẫn các huyện đăng ký xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với các sản phẩm nông nghiệp của địa phương...

Qua đó, đã đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể: Mỳ gạo Châu Sơn, lợn sạch (Tân Yên); bún Đa Mai, đồ mộc Bãi Ôi (thành phố Bắc Giang); tương Trí Yên (Yên Dũng). Hướng dẫn 20 cơ sở hoàn thiện thủ tục đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng

hóa và nộp đăng ký tại Cục Sở hữu Trí tuệ. Sản phẩm “vải thiều Lục Ngạn” đăng ký bảo hộ tại 9 quốc gia, đến tháng 3/2016 đã được cấp văn bằng bảo hộ tại 05 quốc gia gồm: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Lào, Campuchia và đang trong quá trình theo dõi, xét đơn tại 04 quốc gia là: Mỹ, Úc, Singapore, Malaysia. Sản phẩm mỳ Kế, mỳ Chũ đã được cấp văn bằng bảo hộ tại Nhật Bản và đang trong quá trình theo dõi, xét đơn tại Lào, Campuchia, Hàn Quốc. Sản phẩm “gà đồi Yên Thế” đã được cấp văn bằng bảo hộ tại Lào và đang trong quá trình theo dõi, xét đơn tại Campuchia, Singapore.

Trong công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, tính đến tháng 3/2016, toàn tỉnh có hơn 50 cơ quan xây dựng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2008; hỗ trợ kinh phí cho 16 doanh nghiệp có sản phẩm được chứng nhận hợp chuẩn đạt Giải thưởng châu Á - Thái Bình Dương và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; phát hiện 98/221 sản phẩm sai phạm về chất lượng; xây dựng kế hoạch trưng bày hàng đối chứng hàng thật, hàng giả...

Mặc dù, có nhiều kết quả đáng ghi nhận, nhưng theo Giám đốc Sở KH&CN Nguyễn Đức Kiên, còn một số bất cập, tồn tại trong lĩnh



vực hoạt động KH&CN. Đó là, công tác quản lý nhà nước về KH&CN vẫn chưa đồng đều tại các địa phương, các ngành; tổ chức bộ máy quản lý KH&CN cấp huyện còn bất cập, chưa thành lập nhiều doanh nghiệp KH&CN; thị trường KH&CN phát triển chậm, chưa phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; công tác tham mưu về nhiệm vụ KH&CN chưa có tính đột phá về quy mô vùng, bảo đảm sự đồng bộ giữa quy hoạch ngành, sản phẩm chủ lực của tỉnh.

Các nhiệm vụ KH&CN còn hạn chế về tính liên vùng, liên ngành, chưa thu hút được nhiều vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, các tổ chức nước ngoài. Nhiệm vụ KH&CN chưa có tác động lan tỏa nhiều để làm điều kiện cho việc nhân rộng kết quả. Tiềm lực KH&CN, cơ sở vật chất, trang thiết bị nghiên cứu - ứng dụng KH&CN còn thiếu và yếu, đặc biệt trong lĩnh vực kiểm định cân kỹ thuật, điện não, thiết bị phòng thử nghiệm...

Để khắc phục những khó khăn, hạn chế đã nêu, ông Nguyễn Đức Kiên đã đưa ra một số giải pháp, phương hướng triển khai như: Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh đặt hàng Bộ KH&CN nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia; tiếp tục xây dựng một số thương hiệu sản phẩm mới của địa phương; giới thiệu

các doanh nghiệp tiếp cận với Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia; Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia... nhằm khẳng định hoạt động KH&CN là động lực, chìa khóa thành công cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh trong thời gian tới.

Phát biểu tại Hội thảo khoa học “Các giải pháp thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVIII về lĩnh vực KH&CN” tổ chức ngày 17/5/2016, Thứ trưởng Bộ KH&CN Trần Văn Tùng cho biết: “Hoạt động KH&CN tại Bắc Giang đã có nhiều chuyển hướng tích cực trên tất cả các lĩnh vực, công tác thanh tra, kiểm tra đi vào chiều sâu và đạt được nhiều kết quả. Tuy nhiên, Bắc Giang cần xây dựng định hướng phát triển KH&CN sát với thực tế; sử dụng các nguồn lực tài chính tương xứng cho KH&CN; cần tiếp tục đầu tư cho phát triển công nghệ cao, công nghệ sinh học... để phục vụ đời sống sản xuất. Đẩy mạnh ứng dụng các quy trình, công nghệ mới trong sản xuất các sản phẩm nông nghiệp gắn với phát triển du lịch; vấn đề công nghệ xử lý môi trường, chế biến nông - lâm sản để tạo ra nhiều sản phẩm nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; đẩy mạnh việc ứng dụng, chuyển giao, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ

thuật vào thực tiễn vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và đời sống nhân dân.

Đặc biệt, lựa chọn các sản phẩm là thế mạnh đặc thù, đưa ứng dụng KH&CN từ khâu chọn giống đến tiêu thụ sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh, đứng vững trên thị trường và phát triển bền vững. Đồng thời, với sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, cùng với sự đóng góp của cộng đồng các nhà khoa học, các nhà doanh nghiệp và sự đồng thuận của nhân dân, hoạt động KH&CN của tỉnh Bắc Giang sẽ ngày càng có nhiều kết quả trong sự phát triển chung về lĩnh vực KH&CN của cả nước”.

Tóm lại, thời gian qua, những đóng góp thiết thực của KH&CN cho sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà nói riêng đã và đang mang đến những diện mạo phát triển tươi mới trên khắp chiều dài đất nước nói chung, KH&CN xứng đáng trở thành đòn bẩy thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, góp phần tạo dựng nền tảng cho tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước./.

# SẢN XUẤT VÀI THIỀU BẮC GIANG NĂM 2016: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, TIÊU THỤ THUẬN LỢI

 Thu Thủy

**T**ại Bắc Giang những ngày này, nông dân đang tất bật với việc tiêu thụ vải thiều sớm và chỉ còn khoảng nửa tháng nữa là vụ thu hoạch vải thiều chính vụ sẽ diễn ra. Dự kiến sẽ có khoảng 3.000 điểm thu mua với khoảng 1.500 thương nhân tham gia tiêu thụ vải thiều.

Năm 2016, tổng diện tích trồng vải thiều của tỉnh khoảng 30.000ha. Sản xuất vải thiều năm 2016 diễn ra trong điều kiện thời tiết không thuận lợi, trước và sau Tết Bính Thân liên tục có mưa, nhiệt độ cao, sau đó rét đậm, rét hại kéo dài, ảnh hưởng đến quá trình ra hoa, đậu quả các trà vải. Theo Sở Công Thương Bắc Giang, sản lượng vải thiều toàn tỉnh năm nay ước đạt trên 130.000 tấn, giảm 65.000 tấn so với năm 2015, trong đó, vải chín sớm ước đạt 23.000 tấn, vải thiều chính vụ là 107.000 tấn. Lục Ngạn vẫn là huyện có sản lượng vải thiều lớn nhất, ước đạt 70.000 tấn; huyện Lục Nam 28.000 tấn, Yên Thế 12.000 tấn, Tân Yên 8.000 tấn, Lạng Giang 6.500 tấn, Sơn Động 5.700 tấn.

Tuy sản lượng có giảm, nhưng chất lượng vải thiều



*Vườn vải thiều sớm của gia đình ông Trần Đình Long, thôn Lân Thịnh, xã Phúc Hòa, huyện Tân Yên*

sẽ được nâng lên, do tỉnh đã chỉ đạo một số địa phương đẩy mạnh sản xuất vải thiều theo tiêu chuẩn VietGAP và GlobalGAP; diện tích sản xuất vải theo hai quy trình sản xuất này đều tăng hơn năm trước. Tổng diện tích vải thiều toàn tỉnh sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP khoảng 12.560ha, sản lượng dự kiến đạt khoảng 53.000 tấn, trong đó, tập trung chủ yếu ở 30 xã, thị trấn của huyện Lục Ngạn với diện tích đạt 10.500ha, sản lượng dự kiến đạt khoảng 45.000 tấn; đặc biệt, năm 2016, tại riêng huyện Lục Ngạn, Mỹ đã cấp 15 mã vùng trồng vải cho hơn 200 hộ dân với 158ha theo tiêu chuẩn GlobalGAP,

sản lượng khoảng 1.000 tấn để đảm bảo điều kiện xuất khẩu vải thiều sang Mỹ, Úc, EU... Theo nhận định chung, chất lượng vải thiều ngày càng được nâng cao, do đó, giá vải năm nay sẽ không thấp hơn năm trước.

Tiếp nối thành công trong việc tiêu thụ vải thiều năm 2015, ngay từ đầu năm 2016, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Bắc Giang đã chỉ đạo các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện tạo điều kiện cho nhân dân và doanh nghiệp tiêu thụ vải thiều. Nhờ sự vào cuộc tích cực này nên tình hình tiêu thụ vải thiều năm nay được dự báo diễn ra trong điều kiện thuận lợi. Vào vụ thu hoạch, toàn tỉnh



sẽ có khoảng 3.000 điểm thu mua với khoảng 1.500 thương nhân trong và ngoài nước tham gia mua bán vải thiều.

Thị trường tiêu thụ nội địa vẫn tiếp tục chiếm thị phần lớn khoảng 60%, chủ yếu là các đô thị lớn như: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Huế. Xuất khẩu khoảng 40%; trong đó thị trường truyền thống lớn là Trung Quốc; một số thị trường mới như ASEAN, Mỹ, Úc, châu Âu.

Đối với vải thiều chế biến như vải đông lạnh, đóng hộp, vải sấy khô thì vẫn duy trì các thị trường truyền thống. Hiện, một số doanh nghiệp trên địa bàn đang tiếp cận thị trường Trung Đông như các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất. Đã có một số doanh nghiệp xuất khẩu quả vải tươi khảo sát và tiến hành cam kết bao tiêu đối với vải thiều xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Pháp.

Ông Trần Quang Tấn, Giám đốc Sở Công Thương Bắc Giang cho biết: “Phát huy thành công và trên cơ sở rút kinh nghiệm về kết quả tiêu thụ vải thiều năm trước, Sở Công Thương đã và đang thực hiện một số nội dung nhằm đẩy mạnh công tác tiêu thụ vải thiều năm 2016 với các giải pháp chính như:

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về quy trình sản

xuất, chất lượng quả vải và khả năng cung ứng sản phẩm ra thị trường. Liên hệ với Bộ Công Thương, các cơ quan Thương vụ - Tham tán thương mại Việt Nam tại các nước để tiếp nhận thông tin về tình hình thị trường, các rào cản kỹ thuật trong thương mại, tìm kiếm đối tác, hỗ trợ công tác xúc tiến tiêu thụ vải thiều tại các thị trường như Mỹ, Nhật Bản, Úc, Malaysia, Pháp, Hàn Quốc và kịp thời thông tin lại cho thương nhân, doanh nghiệp trong nước.

Sở Công Thương đã chủ động kết nối thị trường, cụ thể đã tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức hội nghị kết nối giao thương và ký kế hoạch phối hợp tiêu thụ nông sản nói chung và vải thiều nói riêng với UBND thành phố Hà Nội; tổ chức hội nghị kết nối với doanh nghiệp đầu mối Trung Quốc tại Lào Cai và Lạng Sơn cùng bàn bạc, thống nhất kế hoạch thu mua, xuất khẩu vải thiều qua biên giới. Làm việc với các tập đoàn, tổng công ty, hệ thống bán lẻ hiện đại như Hapro, BigC, chợ đầu mối nông sản... ký kết tiêu thụ lâu dài và ổn định cho vải thiều Bắc Giang.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia vào quá trình thu mua, bảo quản, chế biến và tiêu thụ vải thiều. Xây dựng cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp tạo mối liên kết bền vững trong sản xuất, chế biến,

tiêu thụ, xuất khẩu, nhất là khai thông xâm nhập các thị trường mới, tiềm năng.

Tiếp tục tranh thủ sự quan tâm, hỗ trợ của Bộ Công Thương, sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các tỉnh, thành phố để tạo điều kiện thuận lợi nhất tiêu thụ vải thiều.

Ngay từ đầu vụ vải sớm năm 2016, một số doanh nghiệp như: Công ty TNHH Thanh Bình Jeune (Pháp), Công ty TNHH Phong Sơn Tiệm (Hà Nội), Công ty Liên doanh xuất nhập khẩu Teanda (thành phố Hồ Chí Minh) đã đến khảo sát và ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm đối với vải thiều đủ tiêu chuẩn xuất khẩu sang các thị trường Mỹ, Úc và Pháp. Với những triển vọng này, thị trường xuất khẩu quả vải tươi năm 2016 sẽ được mở rộng hơn”.

Để đồng hành cùng doanh nghiệp, Sở Công Thương tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh Bắc Giang thực hiện tốt một số giải pháp:

*Thứ nhất*, tổ chức đoàn công tác của tỉnh đến làm việc với UBND tỉnh và các ngành chức năng của các tỉnh biên giới phía Bắc để bàn các biện pháp tháo gỡ kịp thời khó khăn vướng mắc phát sinh trong quá trình vận chuyển, tiêu thụ vải thiều.

*Thứ hai*, tạo điều kiện tối đa về thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp, thương nhân thu mua, tiêu thụ vải

thieu, nhất là các thủ tục liên quan đến doanh nghiệp, thương nhân nước ngoài.

*Thứ ba*, lựa chọn hợp tác xã, doanh nghiệp đầu mối xuất khẩu có kinh nghiệm, thế mạnh trong xuất khẩu nông sản về phương án cụ thể cho xuất khẩu vải thiều.

*Thứ tư*, truyền tải thông điệp của tỉnh Bắc Giang là chính quyền cam kết hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận

lợi về an ninh, trật tự, xuất nhập cảnh, vốn tiền mặt tại các ngân hàng đáp ứng cho lưu thông, điện, nước, bảo đảm giao thông được thông suốt, an toàn cho các thương nhân (đặc biệt là thương nhân Trung Quốc) đến thu mua, tiêu thụ, chế biến, xuất khẩu vải thiều.

Để việc sản xuất, tiêu thụ vải thiều ngày càng bền vững, Sở Công Thương

khuyến cáo, trước hết, người trồng vải Bắc Giang tiếp tục tổ chức sản xuất vải thiều an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP và GlobalGAP. Các tổ chức, cá nhân nên bảo quản vải thiều đúng quy trình, sử dụng bao bì, nhãn hiệu chỉ dẫn địa lý “vải thiều Lục Ngạn” một cách hiệu quả nhằm đảm bảo chất lượng và quảng bá thương hiệu rộng rãi./.

### **(Tiếp trang 2)**

... các quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của doanh nghiệp để tài trợ, hỗ trợ một phần kinh phí nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ, thử nghiệm thị trường, cho vay với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi, góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Nghiên cứu, đề xuất ban hành mới, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật cần thiết để thúc đẩy môi trường khởi nghiệp đổi mới sáng tạo về: Cơ chế, chính sách đầu tư, hỗ trợ ban đầu của Nhà nước và khuyến khích đầu tư tiếp theo cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của các thành phần kinh tế, tổ chức, cá nhân và cộng đồng xã hội; cơ chế hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp của các Bộ, ngành, địa phương có nhu cầu và tiềm lực phát triển hoạt động khởi nghiệp; cơ chế thuế, tài chính đặc thù đối với tổ chức và cá nhân có hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hoặc đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư, ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ...

Hiện tại, Bộ KH&CN đang xây dựng kế hoạch triển khai theo các mục tiêu đã được đưa ra. Trong năm 2016, Bộ KH&CN sẽ tiến hành thông báo, tuyên truyền rộng rãi nội dung của Đề án; phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng các phương án triển khai cụ thể. Bên cạnh đó, Bộ cũng sẽ nhanh chóng thành lập Ban Chỉ đạo để ban hành quy chế, quy trình xử lý hồ sơ và tập trung các nguồn lực cho các hoạt động trung tâm. Dự kiến năm 2017, Đề án bắt đầu lựa chọn được một số hồ sơ của các tổ chức, cá nhân, nhóm cá nhân tiềm năng là các đối tượng được nhận hỗ trợ.

Trên thực tế, tất cả các thành phần của một hệ sinh thái khởi nghiệp đều đã xuất hiện ở Việt Nam từ các doanh nghiệp khởi nghiệp có tiềm năng phát triển, mạng lưới các nhà đầu tư, các trường đại học tốt, các tổ chức ươm tạo, đào tạo đến các chính sách nhà nước liên quan đến doanh nghiệp khởi nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động của các thành phần này còn khá rời rạc, trên quy mô nhỏ, các đơn vị thực sự có kỹ năng chưa nhiều nên chưa đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng khởi nghiệp trên thị trường. Do vậy, Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” được phê duyệt sẽ mở ra cơ hội lớn cho hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam phát triển và tiếp cận với các quốc gia khởi nghiệp trên thế giới./.

HT(t/h)

# Nghiên cứu tình trạng tàn khuyết và định hướng truy tìm các mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và Bồ Đà bị thất lạc

✍️ Nguyễn Văn Phong - Phó Giám đốc Bảo tàng tỉnh Bắc Giang

## I. Về hiện tượng tàn khuyết

Ở Bắc Giang, chùa Vĩnh Nghiêm là trung tâm - chốn tổ của Phật phái Trúc Lâm Yên Tử và khu di tích Bồ Đà là trung tâm - chốn tổ của Phật phái Lâm Tế. Hiện hai chốn tổ Phật giáo này còn tàng lưu hai khối di sản tư liệu mộc bản có giá trị đặc biệt. Kết quả kiểm kê của Bảo tàng tỉnh Bắc Giang đã xác định được số lượng tổng thể hai kho mộc bản trên, trong đó: Chùa Vĩnh Nghiêm có 3.050 mảnh ván, ở Bồ Đà có 1.966 mảnh. Khảo sát các bộ kinh, sách thấy không còn toàn vẹn, bị tàn khuyết số lượng tương đối nhiều. Qua nghiên cứu thực tế chúng tôi thấy có những hiện tượng và nguyên nhân dẫn tới sự thất thoát, tàn khuyết một số mộc bản như sau:

### 1. Hiện tượng và nguyên nhân tàn khuyết do yếu tố khách quan

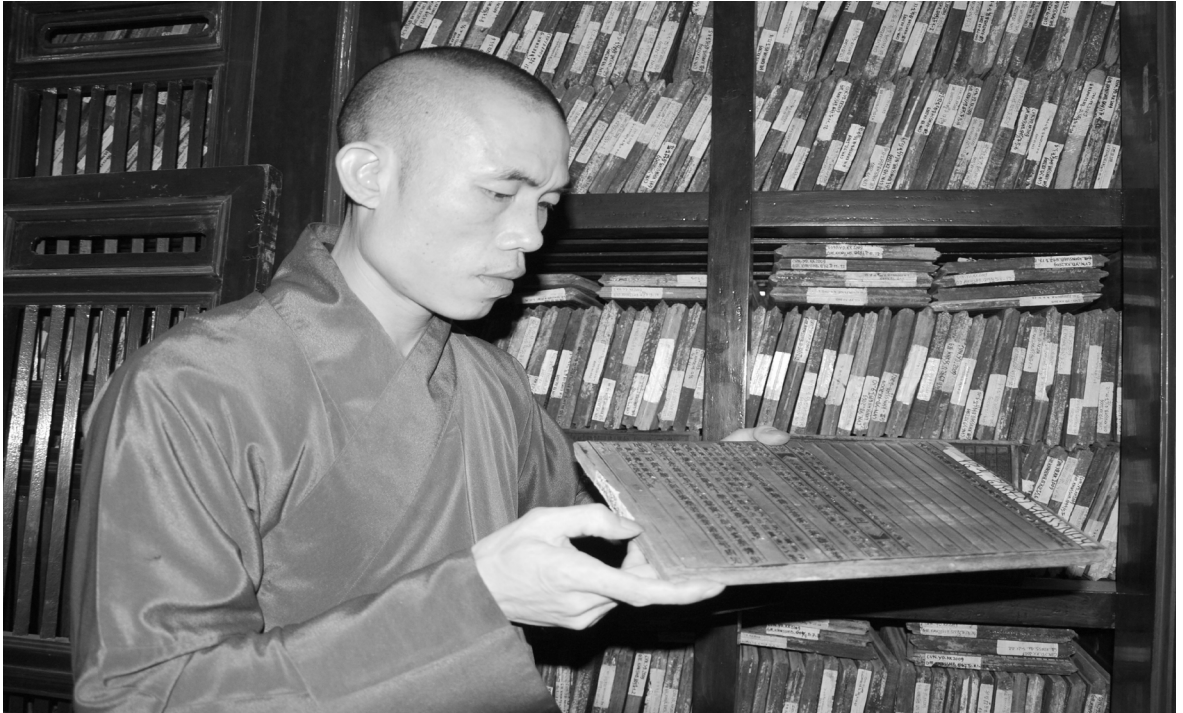


Phòng trưng bày Mộc bản Kinh Phật tại chùa Vĩnh Nghiêm

Bắc Giang là miền đất nằm sâu trong lục địa, trung tâm khu vực Đông Bắc và mang đậm nền khí hậu nhiệt đới, nóng ẩm, mưa nhiều. Hàng năm, vào mùa xuân (tháng 1 - 3) mưa phùn và gió nồm ẩm làm cho không khí có ẩm độ tới 80 - 85%. Mùa hè (tháng 4 - 6) là mùa mưa và có nhiều ngày nắng gắt tới trên 35°C. Cuối năm

(tháng 10 - 12) thời tiết khô hanh, ẩm độ rất thấp. Như vậy, có thể nói, Bắc Giang là vùng đất có khí hậu khá khắc nghiệt. Chính vì vậy, khi tàng chứa, bảo quản mộc bản ở chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà, nhà chùa đã triệt để khai thác lợi thế của hướng gió, góc chiếu ánh sáng mặt trời và xây dựng nhà chứa các mộc bản có mái ngói dày, nền đất nện có thể hút





*Đại đức Thích Thanh Tịnh giới thiệu về Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm*

ấm về mùa nồm, tỏa hơi ẩm về mùa hanh... đã phần nào chế ngự được những yếu tố bất lợi xâm hại mộc bản.

Với khu vực xã Trí Yên (nơi có chùa Vĩnh Nghiêm) nằm ở vùng chiêm trũng, hàng năm có 3 - 4 tháng nước ngập úng. Tuy nằm ở trên gò đồi cao nhưng chùa Vĩnh Nghiêm vẫn không tránh khỏi lụt lội. Trong quá khứ đã có nhiều lần nước lụt dâng ngập toàn bộ khu chùa. Nước ngập úng đã làm ảnh hưởng xấu đến tuổi thọ của một số di vật, cổ vật bằng chất liệu hữu cơ ở chùa Vĩnh Nghiêm, trong đó có kho mộc bản.

Vì mộc bản được tạo tác bằng gỗ thị, loại gỗ tạp, thuộc nhóm 4, không có độ

đan chắc như nhóm tứ thiết (đinh, lim, nghiến...) nên không thể tránh khỏi sự lão hóa tự nhiên và khó tránh được sự phát tán xâm nhập của nấm mốc. Vì nấm mốc có thể phát tán, xâm nhập qua đường không khí muốn bảo quản tốt để nâng cao, kéo dài tuổi thọ cho mộc bản vẫn cần có sự kết hợp phương pháp truyền thống với kỹ thuật hiện đại.

## **2. Hiện tượng và nguyên nhân tàn khuyết do yếu tố chủ quan**

*Mộc bản bị mất mát, thất lạc:* Một phần thất thoát bởi những lần dịch chuyển, do vô tình bị rơi vỡ nên đã bỏ đi, nhất là những lần chạy lụt thời kỳ bài xích tàn dư phong kiến (sau hòa bình

lập lại đến những năm cuối thế kỷ XX) người dân thấy những hiện vật có chữ Nho thì coi như sản phẩm, tàn dư của chế độ phong kiến nên không coi trọng mộc bản. Một phần thất thoát do người dân sợ tại khi chùa bị hoang phế không có người chăm sóc đã lấy một ván in đốt sưởi ấm như lời một số nhà sư kể lại. Cũng có thể nhắc đến bởi nguyên nhân chiến tranh, nhất là thời kỳ chín năm kháng chiến, giặc Pháp từng càn quét khu vực chùa Vĩnh Nghiêm nên cũng có thể xảy ra trường hợp lính Pháp vì tò mò mà đã lấy đi một số mảnh ván làm kỷ niệm. Và cũng không loại trừ do nhà chùa tự ý biếu tặng du khách, người thân... Vì



trước đây, khi chưa ý thức được giá trị văn hóa của mộc bản thì việc lấy một vài ván in để cho, tặng rất có thể xảy ra và đã từng xảy ra ở một vài nơi khác.

**Mộc bản bị mục, vỡ:** Một số mộc bản bị mục cơ bản thấy ở một vài mảnh có tuổi cao bị lão hóa tự nhiên. Một số bị mục do bị mưa dột, thấm nước lâu ngày rồi bị nấm mốc xâm nhập và tự phân hủy. Số mộc bản bị vỡ rất ít và trong số đó, cơ bản do quá trình vận chuyển bị rơi hoặc xô vỡ.

**Hiện tượng mộc bản bị rạn nứt:** Số lượng không nhiều, cơ bản do độ co ngót gỗ tự nhiên lớn hơn độ bền chắc của thanh kẹp chống co ngót ở các mộc bản sinh ra.

**Hiện tượng mòn chữ:** Hiện tượng mòn chữ xảy ra theo từng bộ kinh/sách/luật có độ mòn khác nhau và nhất là các ván in số điệp. Nguyên nhân chủ yếu là do in ấn nhiều thì bề mặt các chữ bị mòn dần dẫn đến giảm độ nét của chữ trên trang sách. Từ nguyên nhân đó cho thấy, các mộc bản in số điệp có độ mòn mờ cao nhất vì được sử dụng nhiều. Hiện nay, một số mộc bản số điệp ở chùa Vĩnh Nghiêm và chùa Bồ Đà không in được nữa hoặc in thì chất lượng rất kém vì chữ mờ khó đọc.

**Hiện tượng sứt mẻ chữ trên bề mặt:** Vì nét chữ được khắc trên gỗ, thờ ngang rất dễ vỡ. Thêm nữa, nét chữ được khắc kiểu hình thang

(chân to, nét mảnh) nên hiện tượng sứt mẻ xảy ra khá nhiều. Nguyên nhân chủ yếu do bề mặt mộc bản bị va chạm với mộc bản hoặc bề mặt mộc bản bị va chạm với vật cứng khác. Đây là hậu quả của việc vận chuyển trong những lần in ấn và vận chuyển thay đổi vị trí mộc bản. Việc xếp đặt không hợp lý các ván in trên các kệ cũng dễ xảy ra hiện tượng sứt, vỡ chữ.

**Hiện tượng mất chữ do rơi rụng:** Trong quy trình khắc mộc bản, đôi khi người thợ khắc bị mắc lỗi như khắc nhầm chữ, thiếu chữ, thừa chữ, sai chữ... không thể sửa chữa như viết chữ trên giấy nên người thợ phải bỏ những chữ hỏng đi rồi khắc phục bằng cách đục sâu đoạn/chữ bị lỗi, sau đó phải đo, khắc đoạn chữ đã khắc phục lỗi chèn khít vào vị trí đó. Những chữ đó được gắn cố định kín, và khi đem ra in, mực in sẽ phủ kín và chèn làm cho đoạn chữ đó không rơi ra được. Khi mới và nếu được in đều thì chữ rất chắc và khó phát hiện, nhưng lâu ngày, phần vì gỗ co ngót, phần vì cố định bị thoái hóa mất tác dụng nên khi vận chuyển mộc bản những đoạn chữ hoặc chữ đơn sửa lỗi đó rất dễ bị rơi rụng, thất lạc.

**Hiện tượng mất chữ do in ấn, nhân bản:** Kỹ thuật in truyền thống cơ bản sử dụng mực tàu, tức là dùng thứ mực không có hóa chất

làm tổn hại đến mộc bản. Xưa sử dụng mực tàu pha keo da trâu và một số phụ liệu vô hại khác, nhưng vì mực tàu giá cả hiện nay đắt đỏ, nên thời nay in ấn nhân bản chủ yếu dùng mực in báo hiện đại cho nên nguy cơ mộc bản bị xâm hại rất cao. Vì thứ nhất, mực in báo sử dụng hóa chất gây hại đối với chất liệu gỗ. Thứ hai, khi in dầu mực/hóa chất có hại sẽ bám trên bề mặt chữ thấm thấu dần, phá hoại dần toàn bộ bề mặt mộc bản.

**Hiện tượng mất chữ khi phục chế nhân bản mộc bản:** Bảo tàng tỉnh Bắc Giang đã từng cho phục chế nhân bản mộc bản bằng chất liệu ruột gỗ, mặt composit để phục vụ công tác trưng bày, giới thiệu với du khách, nhưng sau đã phải dừng ngay vì nguy cơ mộc bản bị xâm hại. Bởi khi phục chế mộc bản sẽ phải vệ sinh rất kỹ sau đó dùng các hóa chất khác phối trộn bao quanh mộc bản làm khuôn đúc. Quá trình vệ sinh kỹ lưỡng, đắp khuôn với những mộc bản còn tốt thì mức độ xâm hại còn ít, còn đối với những mộc bản có tuổi cao, chất gỗ không tốt rất dễ xảy ra hiện tượng khuôn đúc nhấc cả nét chữ.

## II. Định hướng khả năng truy tìm mộc bản tàn khuyết.

Như trên đã trình bày, có nhiều hiện tượng chỉ báo sự tàn khuyết của mộc bản và cũng có khá nhiều nguyên nhân dẫn tới sự tàn khuyết

mộc bản ở hai khối tư liệu mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm và Bồ Đà. Tuy nhiên, với những hiện tượng “tàn”, sứt vỡ, mối, mọt, mục, rơi rụng chữ... thì rất khó có thể truy tìm, còn với hiện tượng “khuyết” tức là sự thất thoát một số mộc bản thì khả năng truy tìm không cao nhưng có thể định hướng triển khai ở các phương cách sau đây:

### 1. Khảo sát các ngôi chùa cùng sơn môn

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát các ngôi chùa thuộc Phật phái Trúc Lâm Yên Tử ở xứ Bắc (vùng Bắc Ninh, Bắc Giang), xứ Đông (Hải Dương, Quảng Ninh) và nhận thấy không có khả năng truy tìm những mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm bị thiếu khuyết. Nhưng với mộc bản chùa Bồ Đà định hướng này khả quan hơn. Theo Đại đức Tục Vinh (sư Trụ trì chùa Bồ Đà) thì ở thôn An Đông, xã An Bình, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương có chùa Vĩnh Khánh thuộc sơn môn Bồ Đà. Những năm trước cách mạng tháng Tám 1945, sư tổ chùa Bồ Đà đã cho chở nhiều mộc bản từ Bồ Đà về chùa Vĩnh Khánh để ẩn tống. Số lượng mộc bản chuyển đi là bao nhiêu, thuộc bộ kinh/sách/luật... nào không được rõ, nhưng sau cách mạng đến nay vẫn chưa đem trả, cho nên một phần mộc bản chùa Bồ Đà nếu không bị thất lạc thì vẫn ở chùa Vĩnh Khánh.

Đầu hè năm 2016, chúng

tôi đã về khảo sát kho mộc bản chùa Vĩnh Khánh và được nhà sư Thích Tục Phương (sư trụ trì) cho biết: Hiện tại chùa còn lưu giữ được 738 bản khắc thuộc 5 bộ sách là: Giới đàn tăng (dành cho các Sư tăng lên chức thụ giới), Giới đàn ni (dành cho các Sư ni lên chức thụ giới), Dược Sư đề cương (sách thuốc chữa bệnh), Kinh nhật tụng (khóa lễ tụng Kinh hằng ngày) do nhà sư Viên Tịch, Tổ đời thứ 3 của chùa cho khắc hiệu đính lại các bản in trước. Đặc biệt tại đây có bộ Khóa hư lục, .... Số mộc bản được lưu giữ, bảo quản trên 3 giá sắt ba đặt tại phòng kho của nhà chùa. Mộc bản chất liệu bằng gỗ thị. Ngoài mộc bản của các bộ kinh, sách trên ở đây còn có một số mộc bản khác có kích thước lớn, trên mặt ngoài chữ Nho còn có các ký tự bùa chú đạo tràng. Theo lục khoản cho thấy, đa số mộc bản được san khắc tàng bản ở chùa Vĩnh Khánh, số còn lại không nhiều chưa xác định được có phải được chuyển từ Bồ Đà về đây hay không.

### 2. Khảo sát các kho mộc bản ở cơ quan lưu trữ

Hiện một số kho/trung tâm lưu trữ của nhà nước còn lưu giữ khá nhiều khối tư liệu mộc bản như: Trung tâm lưu trữ quốc gia 4 (Đà Lạt), Trung tâm lưu trữ quốc gia 1 (Hà Nội), Kho mộc bản Viện nghiên cứu Hán Nôm... Theo nguồn

thông tin đáng tin cậy, được biết kho mộc bản của Viện nghiên cứu Hán Nôm được tiếp nhận từ trường Viễn đông bác cổ (EFEO) của Pháp. Hiện khối tư liệu này chưa được kiểm kê, xử lý kỹ thuật và khai thác, cho nên nơi đây là một địa chỉ tiềm ẩn khả năng trong việc truy tìm mộc bản bị thiếu khuyết của chùa Vĩnh Nghiêm. Đặt vấn đề truy tìm, bổ khuyết mộc bản ở các trung tâm lưu trữ khác có lẽ không có tính khả thi.

### 3. Khảo sát từ các nhà sưu tầm cổ vật trong và ngoài nước

Trong nước, một số nhà sưu tầm cổ vật đã có sở thích sưu tầm mộc bản, nhất là các mộc bản đồ họa và những mộc bản tuổi cao, chữ khắc đẹp. Nhưng theo sự bao quát của chúng tôi qua các kênh thông tin, chưa xuất hiện thông tin từ các nhà sưu tập cổ vật giao lưu loại hiện vật này. Chúng tôi đưa ra định hướng này để tham khảo là chính, còn hướng truy tìm này tính khả thi không cao, vì sẽ nan giải, tốn kém./.



# Giải thưởng chất lượng quốc gia - Bước tạo đà bền vững cho doanh nghiệp Việt

**R**a đời từ năm 1996, Giải thưởng Chất lượng Quốc gia (GTCLQG) là một trong số ít giải thưởng tại Việt Nam được hình thành theo luật định, năm 2016, GTCLQG đã bước sang năm thứ 20. Với hai thập kỷ bền bỉ đồng hành cùng các doanh nghiệp Việt, GTCLQG không chỉ dừng lại ở việc tôn vinh, ghi nhận những nỗ lực vượt khó thành công của doanh nghiệp mà còn là chuẩn mực để doanh nghiệp tự nhìn nhận, đánh giá và hoàn thiện mình để cạnh tranh và phát triển.

## Tạo nền tảng chất lượng sản phẩm

GTCLQG do Thủ tướng Chính phủ ký quyết định tặng thưởng hàng năm và được thực hiện theo Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ. GTCLQG được thiết lập và triển khai trên cơ sở chấp nhận mô hình và 7 tiêu chí của Giải thưởng Chất lượng Quốc gia của Hoa Kỳ - Giải thưởng Malcolm Baldrige (MBA), mô hình được hơn

90 nước trên thế giới coi là mô hình chuẩn để nghiên cứu, học tập, xây dựng giải thưởng chất lượng quốc gia của mình.

Theo báo cáo tại buổi họp báo về GTCLQG năm 2015, 77 doanh nghiệp đạt giải, trong đó: 20 doanh nghiệp được trao Giải Vàng; 57 doanh nghiệp được trao Giải Bạc. Đặc biệt, có 03 hồ sơ doanh nghiệp tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc tế châu Á - Thái Bình Dương (GPEA) do Tổ chức Chất lượng châu Á - Thái Bình Dương (APQO) chủ trì thực hiện.

Nguyên Bộ trưởng Bộ KH&CN Nguyễn Quân cho biết, ngày 21/5/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 712/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020 (Chương trình 712). Theo đó, nhiều doanh nghiệp đã tiếp cận đến với các chương trình về KH&CN cấp quốc gia do Bộ KH&CN đang quản lý như: Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia,

Chương trình công nghệ cao hay Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia... Với sự hỗ trợ của nhà nước, mà trực tiếp là các viện nghiên cứu, các trường đại học, Bộ KH&CN... nhiều doanh nghiệp đã đổi mới công nghệ để tạo ra nhiều sản phẩm mới có chất lượng.

“Các chương trình quốc gia cũng như GTCLQG có tác động rất lớn đến sự đổi thay của doanh nghiệp và có bước phát triển về sản phẩm hàng hóa của Việt Nam” Nguyên Bộ trưởng Nguyễn Quân khẳng định.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Traphaco Vũ Thị Thuận cho biết, GTCLQG là sự ghi nhận xứng đáng và kịp thời đối với mỗi doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư, ứng dụng KH&CN, đổi mới, sáng tạo để nâng cao hiệu quả và chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Mục tiêu Traphaco đang theo đuổi đó là phát triển các sản phẩm, dịch vụ dựa trên nền tảng đẩy mạnh ứng dụng KH&CN, nâng cao năng suất lao động hướng đến mục tiêu phát triển và gắn kết vì lợi ích cộng đồng,

bảo vệ môi trường.

“Ngoài việc giúp Traphaco có được định hướng về tiêu chí và có động lực để tiếp tục hoàn thiện những quy trình sản xuất của mình, mang lại những sản phẩm chất lượng cao cho xã hội. Việc tham gia, đạt giải cao của Traphaco còn là trách nhiệm, nghĩa vụ để chúng tôi phải tiếp tục duy trì và hoàn thiện hơn nữa theo các tiêu chí của giải thưởng”, bà Thuận nhấn mạnh.

### **Tăng năng suất chất lượng**

Ông Trần Văn Vinh, Tổng Cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Phó Chủ tịch Hội đồng GTCLQG cho biết, việc Việt Nam tham gia WTO, FTA, TPP... sẽ mở ra các cơ hội cạnh tranh sòng phẳng đối với các doanh nghiệp. Do đó, doanh nghiệp Việt Nam sẽ có cơ hội tự khẳng định chính mình khi tham gia GTCLQG với các tiêu chí của giải thưởng là một trong số các giải pháp được nhiều doanh nghiệp lựa chọn. Tuy nhiên, một trong những khó khăn mà các doanh nghiệp Việt Nam đang gặp phải hiện nay là năng suất, chất lượng - điều sống còn của các doanh nghiệp.

Ông Phạm Ngọc Bích, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thiết bị điện (THIBIDI) cho biết, từ đầu năm 2000, THIBIDI đã đạt được chứng nhận về hệ

thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 do tổ chức chứng nhận quốc tế BUREAU VERITAS - Anh Quốc và Trung tâm Chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Quacert - Việt Nam cấp. Phòng thử nghiệm máy biến áp của THIBIDI được công nhận phù hợp theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005 (chuẩn VILAS), đây là tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chất lượng áp dụng chuyên biệt cho phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn, do tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hóa ISO (International Organization for Standardization) ban hành. Sản phẩm máy biến áp của THIBIDI được sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8525:2010 về máy biến áp phân phối - mức hiệu suất năng lượng tối thiểu và phương pháp xác định hiệu suất năng lượng, tiêu chuẩn Quốc tế (IEC)...

Nhờ không ngừng cải tiến, đầu tư công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, mức tăng trưởng bình quân của công ty luôn đạt trên 20%/năm. Chỉ tính riêng năm 2015, công ty đạt doanh thu hơn 2 ngàn tỷ với hơn 45% thị phần được xuất khẩu sang thị trường ngoài nước.

Cũng theo bà Chu Hương Giang, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Dương - đơn vị hai lần nhận Giải Vàng GTCLQG, các tiêu chí áp dụng trong

GTCLQG đều phù hợp và cần thiết đối với các doanh nghiệp trong giai đoạn hiện nay. Các doanh nghiệp nên mạnh dạn tham gia giải thưởng, điều này không chỉ để được vinh danh mà ý nghĩa hơn cả là để được tự đánh giá, tự nhìn nhận lại mình một cách khách quan; biết được điểm mạnh, yếu để khắc phục nhằm tạo lập cho doanh nghiệp cơ hội phát triển bền vững trong xu thế hội nhập./.

Từ năm 1996 đến năm 2015 đã có 1.690 lượt doanh nghiệp tham gia GTCLQG, 188 doanh nghiệp đạt Giải Vàng, 128 doanh nghiệp được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Tính đến nay, 37 doanh nghiệp đã được trao giải thưởng Chất lượng Quốc tế châu Á - Thái Bình Dương (GPEA). Ngày 30/7/2015, Tổ chức Chất lượng châu Á - Thái Bình Dương (APQO) đã chính thức công bố kết quả tham dự Giải thưởng GPEA năm 2015 với 03 doanh nghiệp đạt giải gồm: Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long; Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Dầu khí Việt Nam OSCVN; Công ty TNHH Nam Dược.

**Thu Trang (t/h)**



# SẢN XUẤT BIOCHAR - GIẢI PHÁP CHO NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

Thu Hiền

**H**iện nay, thế giới và Việt Nam đã nghiên cứu thành công nhiều loại phân bón mới, ứng dụng kỹ thuật cao để sử dụng trong nông nghiệp. Sử dụng các loại phân bón này, không những giúp nâng cao chất lượng, năng suất cây trồng, cải tạo đất mà còn thân thiện với môi trường, đảm bảo an toàn sức khỏe cho con người. Trong các loại phân bón mới hiện nay, Biochar hay còn gọi là than sinh học, than đen được mệnh danh là “vàng đen” vì những tác dụng tuyệt vời của nó đối với nông nghiệp và môi trường.

Biochar được biết đến là sản phẩm có độ xốp cao, ổn định và giàu cacbon được sinh ra sau quá trình đốt cháy không hoàn toàn sinh khối hữu cơ như các loại gỗ, lá, tàn dư thực vật, vỏ trấu, vỏ cà phê, vỏ dừa, bã mía... trong điều kiện không có oxy hoặc hạn chế oxy, ở nhiệt độ cao (300 - 700°C). Biochar được sử dụng rộng

rãi trong vai trò là một loại phân bón, một chất cải thiện cấu trúc đất. Không như phân bón hóa học, Biochar có thể tồn tại lâu trong đất, giúp tăng cường khả năng giữ nước, cải thiện việc giữ dưỡng chất, chuyển hóa các chất, bảo vệ vi khuẩn có lợi trong đất; cải thiện độ pH và tăng khả năng trao đổi ion kim loại trong đất, tạo điều kiện thích hợp cho cây trồng phát triển và tăng năng suất.

Đánh giá về Biochar, Tiến sỹ Nguyễn Thu Hà, Viện Thổ nhưỡng Nông Hóa cho biết: “Việc chúng ta lạm dụng quá mức về phân bón hóa học đã để lại những hệ lụy không nhỏ cho đất. Biochar vào đất sẽ giúp hấp thụ các chất ô nhiễm như kim loại và thuốc trừ sâu tồn tại trong đất. Ngoài ra, Biochar với thành phần chủ yếu là cacbon nên khả năng ngậm nước là rất tốt. 1kg Biochar sau khi nhúng vào nước có thể hút 400g nước. Ngoài tính hút nước thì Biochar được xem là ngân hàng dự trữ nước.

Nếu chúng ta mang 1.400g Biochar vừa nhúng nước để ngoài không khí thì sau thời gian 7 ngày khối lượng của Biochar là 1.350g. Điều này chứng tỏ, Biochar có khả năng chống bốc hơi và dự trữ nước cực kỳ tốt, đặc tính này giúp ích rất nhiều trong việc giữ ẩm cho đất”.

Hay theo những kết quả nghiên cứu mới đây, các nhà khoa học đã phát hiện ra được cách người cổ đại làm cho đất dồi dào dinh dưỡng, đất đen đã được sản xuất từ bột than, phân trâu bò và cỏ rác tự nhiên, có tác dụng làm tăng độ phì nhiêu của đất, ảnh hưởng tốt đến sự sinh trưởng, phát triển của cây trồng. Than sinh học làm tăng năng suất cây trồng đáng kể trên đất đang trong tình trạng nghèo dinh dưỡng, giúp ngăn chặn dòng chảy và thất thoát phân bón, cho phép sử dụng phân bón ít hơn và giảm bớt ô nhiễm môi trường xung quanh mà vẫn giữ được độ ẩm, giúp cây qua được các thời

kỳ hạn hán dễ dàng hơn. Quan trọng nhất, nó bổ sung dưỡng chất cho đất duy trì độ phì nhiêu. Than sinh học có diện tích bề mặt lớn và cấu trúc lỗ rỗng phức tạp (1g có thể có một diện tích bề mặt hơn 1.000m<sup>2</sup>) nên có khả năng hấp thụ nước, tạo thành các “hồ”, các “bể” nước dưới mặt đất để giữ lại lượng nước và dinh dưỡng cho đất. Nhờ đó, cung cấp một môi trường sống an toàn cho cây và các vi sinh vật trong đất. Các nhà nghiên cứu đều cho rằng: Biochar là “người bạn” tốt nhất của đất.

Với mục đích trả lại dinh dưỡng cho đất, nhiều hộ nông dân sau khi thu hoạch xong thì dùng chính vỏ cà phê hoặc lá cây, vỏ trấu, rơm rạ để ủ trực tiếp vào đất hoặc gốc cây trồng. Phương pháp này cũng giúp giữ ẩm và tăng dinh dưỡng cho đất, nhưng lại có nhược điểm là thời gian để các phế phẩm đó phân hủy thành chất dinh dưỡng lại rất lâu. Hơn nữa, nếu ủ không đúng phương pháp thì những vi sinh vật có hại còn tồn tại trong các phế phẩm nông nghiệp sẽ tiếp tục lên men gây bệnh cho đất và cây trồng. Dùng phương pháp nhiệt phân hay còn gọi là đốt gián tiếp, những chất độc hại và các vi sinh vật gây bệnh sẽ bị tiêu hủy. Đồng thời, vẫn giữ nguyên các chất dinh dưỡng

có trong phế phẩm nông nghiệp, mà cụ thể là cacbon hữu cơ.

Bằng phương pháp đốt trong môi trường yếm khí, quá trình sản xuất Biochar hạn chế tối đa việc thải khí CO và CO<sub>2</sub> ra môi trường, từ đó góp phần xây dựng nền nông nghiệp xanh, sạch và phát triển theo hướng bền vững.

#### **Cách sản xuất Biochar**

Hiện nay, trên thế giới có rất nhiều cách và thiết bị khác nhau để sản xuất Biochar, nhưng tác giả xin đưa ra một mô hình đơn giản, dễ thực hiện giúp bà con nông dân, đó là “sản xuất Biochar từ vỏ trấu”.

Mỗi gia đình cần chuẩn bị một phểu (có lỗ ở nón, có ống thoát khói). Nhóm một mồi lửa cho cháy mạnh, sau đó chụp phểu trên mồi lửa, bà con lưu ý chụp sao cho mồi lửa nằm hoàn toàn trong phểu, không lọt ra bên ngoài. Rải vỏ trấu xung quanh phểu, vỏ trấu phải phủ kín hết các lỗ nhỏ của phểu. Một lần rải có thể là một bao hay hai bao trấu, tùy vào kích thước của phểu. Sau 1, 2 giờ, khi nhận thấy vỏ trấu đã đen, chúng ta cào lớp trấu ra xung quanh và rải lên một lớp khác, cứ như thế lặp 2,3 lần trong một mẻ đốt.

Trong quá trình đốt, bà con nên thường xuyên đảo các lớp trấu với nhau để trấu

cháy cho đều. Khi nhận thấy vỏ trấu đã cháy đều thì rải nước cho vỏ trấu nguội và thu Biochar. Bà con lưu ý, trong quá trình nung, chúng ta nên thường xuyên kiểm tra trấu, không để vỏ trấu cháy chuyển sang màu xám (tức là tro) thì sẽ không đạt hiệu quả. Lượng Biochar đạt chất lượng là phải còn nguyên vẹn hình dạng vỏ trấu, chỉ chuyển từ màu vàng sang màu đen. Bà con có thể áp dụng phương pháp này với nhiều loại phế phẩm khác như vỏ cà phê, mùn gỗ.

Lượng phân bón Biochar sau khi thu được vẫn giữ nguyên 90% các chất có trong vỏ trấu, trong đó 50% là cacbon, lượng cacbon này giúp cải tạo đất, đẩy nhanh sự phát triển của các vi sinh vật có lợi trong đất. Đặc biệt, làm tăng độ phì nhiêu cho đất, tăng năng suất trên nhiều loại cây trồng. So với nhiều loại phân bón hóa học thì phân bón Biochar làm từ vỏ trấu không gây ô nhiễm môi trường đất, không ảnh hưởng tới sự phát triển của các động vật sống trong đất như giun, dế... từ đó làm cân bằng hệ sinh thái trong đất, tăng độ tơi xốp, giúp cây trồng phát triển nhanh và khỏe mạnh./.

# Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học

**N**hà nước sẽ hỗ trợ tối đa 100% kinh phí đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; tối đa 50% đối với hoạt động hoàn thiện công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia; tối đa đến 30% kinh phí mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu...

Thông tin trên được đưa ra tại hội thảo “Giới thiệu và hướng dẫn tham gia các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia” do Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tổ chức ngày 19/5/2016, tại Hà Nội.

Hiện nay, có 6 Chương trình KH&CN Quốc gia mà Văn phòng các Chương trình KH&CN đang quản lý với quan điểm lấy doanh nghiệp làm trung tâm để đổi mới và ứng dụng KH&CN. Trong đó, có 4 chương trình dành cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm: Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020; Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về KH&CN đến năm 2020;



Thứ trưởng Bộ KH&CN Trần Quốc Khánh phát biểu tại hội thảo

Chương trình 592 hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN công lập chuyển đổi sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm (Các doanh nghiệp có kết quả nghiên cứu tốt có thể đăng ký tham gia chương trình này và Nhà nước sẽ hỗ trợ làm sao để doanh nghiệp đó phát triển thành doanh nghiệp KH&CN hoặc hình thành nên một doanh nghiệp KH&CN mới); Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020.

Hai chương trình còn lại dành cho các doanh nghiệp, tập đoàn lớn kết hợp với các viện, trường đầu tư các dự

án lớn bao gồm: Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020 (tập trung vào bốn lĩnh vực: Công nghệ thông tin, vật liệu mới, Công nghệ sinh học, tự động hóa) và Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020.

Đối tượng tham gia các chương trình nói trên hướng vào nhiều đối tượng. Cụ thể, là các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN có tiềm lực để hình thành doanh nghiệp KH&CN; các doanh nghiệp KH&CN; doanh nghiệp có đăng ký hoạt động KH&CN và các tổ chức KH&CN.

Nội dung kinh phí hỗ trợ



từ ngân sách Nhà nước tùy thuộc vào nội dung cụ thể trong từng chương trình. Tuy nhiên, đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sẽ hỗ trợ tối đa 100% kinh phí; tối đa 50% đối với hoạt động hoàn thiện công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia; tối đa đến 30% kinh phí mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu; thiết bị đo kiểm, phân tích trong quá trình sản xuất thử nghiệm và sản xuất lô số không của dây chuyền công nghệ; tối đa 100% chi phí đào tạo ngắn

hạn, bồi dưỡng nâng cao nguồn nhân lực đối với đơn vị trực tiếp tham gia dự án. Đồng thời, Nhà nước sẽ hỗ trợ hoạt động thương mại hóa sản phẩm và phát triển thị trường, hoạt động xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật.

Quy trình đăng ký tham gia các chương trình trên được thực hiện theo Thông tư số 07/2014/TT-BKH&CN ngày 26/5/2014 của Bộ KH&CN. Theo đó, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN cần đáp ứng các điều kiện: Chủ nhiệm dự án có trình độ cử nhân trở lên; đơn vị chủ trì dự án có đăng ký hoạt

động KH&CN; có đủ năng lực tài chính để triển khai dự án; tính khả thi và tiềm năng thị trường của sản phẩm của dự án; có đề xuất đặt hàng của cơ quan cấp Bộ, ngành hoặc UBND cấp tỉnh.

Việc tham gia vào các chương trình sẽ được thực hiện theo quy trình: Đề xuất đặt hàng của Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh. Hội đồng tư vấn và các chuyên gia độc lập sẽ xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp và thẩm định kinh phí phê duyệt. Sau đó sẽ ký hợp đồng triển khai thực hiện./

Văn Bằng (t/h)

## Bắc Giang hướng tới xây dựng vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

**S**áng ngày 15/6, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang Nguyễn Văn Linh có buổi làm việc với Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình xây dựng dự thảo Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và phát triển nông nghiệp công nghệ cao tỉnh

Bắc Giang giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030. Cùng dự có Phó Chủ tịch UBND tỉnh Dương Văn Thái, lãnh đạo các sở, ban, ngành liên quan.

Tại buổi làm việc, các đại biểu đánh giá việc xây dựng Nghị quyết là cần thiết, phù hợp bối cảnh hiện nay. Đồng thời, kiến nghị Nghị quyết cần xác định cụ thể phát

triển cây con gì, quy hoạch ở đâu, như thế nào gắn với những chính sách, cơ chế cụ thể. Áp dụng công nghệ cao phải đi đôi với biện pháp phòng trừ dịch bệnh. Đề cao vai trò, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Xem lại tiêu đề Nghị quyết, tiêu đề cần ngắn gọn, nội hàm. Các đại biểu cơ



*Toàn cảnh buổi làm việc*

bản nhất trí với bố cục của dự thảo.

Trước đó, Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức nhiều buổi làm việc, hội thảo xin ý kiến góp ý từ các sở, ngành, địa phương trong quá trình xây dựng dự thảo.

Kết luận buổi làm việc, Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Văn Linh ghi nhận tinh thần trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết. Đồng chí khẳng định Bắc Giang là tỉnh nông nghiệp, do vậy việc xây dựng

các cơ chế, chính sách tập trung phát triển nông nghiệp quan điểm, mục tiêu, tiêu đề trong dự thảo cần thống nhất theo hướng xây dựng và phát triển vùng nông nghiệp công nghệ cao. Xác định hợp tác xã, doanh nghiệp là chủ thể trọng tâm thực hiện nông nghiệp công nghệ cao, khuyến khích nông dân cùng làm. Sở Khoa học và Công nghệ rà soát tổng thể các cây, con trọng điểm để lựa chọn nhằm quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công

nghệ cao với địa điểm và diện tích cụ thể để triển khai. Nghị quyết cần xác định các cơ chế, chính sách hỗ trợ tập trung vào: Tích tụ ruộng đất, hỗ trợ về giống, thủy lợi, chuyển giao công nghệ. Có các chính sách thu hút, kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao./.

# Chương trình “Gặp gỡ Việt Nam lần thứ XII” năm 2016 sẽ được tổ chức tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định vào đầu tháng 7 tới

**C**huỗi sự kiện nằm trong chương trình “Gặp gỡ Việt Nam lần thứ XII” sẽ được tổ chức vào đầu tháng 7, đây sẽ là nơi hội tụ các nhà khoa học hàng đầu.

Theo đó, Hội thảo quốc tế “Khoa học cơ bản và xã hội” - là hội nghị lớn nhất trong chuỗi các sự kiện khoa học “Gặp gỡ Việt Nam lần thứ XII” diễn ra vào ngày 07 và ngày 08/7/2016.

Hội thảo được sự hỗ trợ tối đa của UNESCO, đồng tổ chức bởi Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) và Hội Gặp gỡ Việt Nam phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu nguyên tử Châu Âu (CERN), Viện Quốc tế SOLVAY để kỷ niệm 50 năm Gặp gỡ Moriond (Rencontres de Moriond) sáng lập từ năm 1966 bởi GS. Trần Thanh Vân.

Đặc biệt, Hội thảo có sự tham dự của 6 giáo sư đạt giải Nobel, một giáo sư được huy chương Fields, đó là: GS. Ngô Bảo Châu (Field năm 2010), GS. David Gross (Nobel Vật lý năm 2004), GS. Carlo Rubbia (Nobel Vật lý năm 1984), GS. Jerome Friedman



*Toàn cảnh buổi họp báo*

(Nobel Vật lý năm 1990), GS. Kurt Wuthrich (Nobel Hóa học năm 2002), GS. Finn Kydland (Nobel Kinh tế năm 2004) và GS. Jean Jouzel (Nobel Hòa bình năm 2007), nguyên Phó Chủ tịch của Ủy ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu.

Hội thảo cũng ghi nhận sự trở về của các giáo sư danh tiếng Việt Nam trên thế giới, như: GS. Đàm Thanh Sơn - Viện sỹ Viện Hàn lâm Khoa học Mỹ, Đại học Chicago, GS. Trịnh Xuân Thuận (NASA, Mỹ), GS. Phạm Quang Hưng (Đại học Virginia, Mỹ), TS.

Nguyễn Trọng Hiền (NASA, Mỹ)...

Bên cạnh đó là các giáo sư, nhà khoa học danh tiếng thế giới; các nhà quản lý khoa học; lãnh đạo Chính phủ Việt Nam, Bộ KH&CN, Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam; Giám đốc các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới phát triển dựa trên KH&CN.

Mục đích của Hội thảo là nhằm tạo cơ hội để các nhà khoa học tương tác, trao đổi với các nhà hoạch định chính sách và các đại diện của khu vực kinh tế tư nhân về tầm quan trọng của khoa học đối với sự phát triển của xã hội; đề xuất những vấn



*Bộ trưởng Bộ TT&TT Trương Minh Tuấn phát biểu tại buổi họp báo*

đề liên quan tới khoa học cơ bản và xã hội ở các nước châu Á nói chung và đặc biệt ở các nước đang phát triển xung quanh Việt Nam với những chủ đề đặc thù của các đất nước này.

Hội thảo gồm 7 chủ đề nghiên cứu thảo luận: Tầm quan trọng của theo đuổi khoa học cơ bản ở các nước mới nổi; khoa học cơ bản và sự phát triển bền vững; Nghiên cứu cơ bản và Hòa bình; nghiên cứu cơ bản và khí hậu; nghiên cứu cơ bản và sức khỏe; nghiên cứu cơ bản và sự phát triển giáo dục toàn cầu, kiến thức và công nghệ; nghiên cứu cơ bản, mở cửa đổi mới và hợp tác kinh tế.

Trong khuôn khổ chương trình Gặp gỡ Việt Nam còn có 12 hội nghị và 3 lớp học quốc tế chuyên đề về vật lý với sự tham gia của khoảng

1.661 đại biểu.

Ngoài các hội thảo, hội nghị chuyên sâu sẽ có 4 buổi nói chuyện khoa học đại chúng dành cho công chúng yêu khoa học tại Quy Nhơn và Hà Nội. Các buổi nói chuyện đại chúng tại Quy Nhơn có sự tham gia của GS. Kurt Wuthrich, giải Nobel Hóa học năm 2002; GS. Trịnh Xuân Thuận vào thứ tư ngày 6/7/2016, lúc 15h00 tại số 2 Phan Đình Phùng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Các buổi nói chuyện tại Hà Nội có sự tham gia của GS. Kurt Wurthrich tại Hội trường Nguyễn Văn Đạo, Đại học Quốc gia Hà Nội vào 15h, thứ ba, ngày 5/7/2016 và buổi nói chuyện với GS. Finn Kydland về kinh tế học – Nobel Kinh tế năm 2004 vào thứ 3, ngày 12/7/2016 tại Hội trường

Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.

Cùng với các chương trình nói trên, Hội “Gặp gỡ Việt Nam” có nhiều chương trình hoạt động khác tại Việt Nam: Như thành lập quỹ học bổng Vallet - GGVN; sáng lập chương trình “Bàn tay nặn bột” ở Việt Nam; thành lập lớp dự bị 2 năm cho sinh viên thi tuyển vào các trường kỹ sư khoa học ứng dụng quốc gia Pháp (INSA), giúp cho 3 làng trẻ em SOS Đà Lạt, SOS Đồng Hới, SOS Huế...

Chương trình “Gặp gỡ Việt Nam” lần thứ XII là một trong những hoạt động của Hội Gặp gỡ Việt Nam được thành lập từ năm 2013 (hội là thành viên chính thức của UNESCO) nhằm mục đích tham gia vào chương trình phát triển khoa học và giáo dục quốc gia./.

**Nguyễn Tươi (t/h)**